

Số: 2903/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống  
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vùi Văn Canh - Cư trú tại bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 224.218.881 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tư triệu, hai trăm mười tám nghìn, tám trăm tám mươi một đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)



2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vui Văn Canh có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số :**2903**/QĐ-UBND, ngày **30** tháng **11** năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

<b>I</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>(6=4*5)</b>	<b>7</b>
<b>14</b>	<b>Hộ ông Vui Văn Canh</b>					
	Địa chỉ: bản Phan Lin, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					<b>224.218.881</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>26.220.700</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	727,7			
2	Loại đất					
	Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	238,7	37.000	8.831.900	
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	136,9	37.000	5.065.300	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	352,1	35.000	12.323.500	
	Vị trí (VT1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 03 thửa đất tổng diện tích thu hồi 727,7 m2 gồm các thửa 663, 665, 667; tờ BĐ số 134 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất số 475,550, tờ BĐ số 134, loại đất trồng Lúa đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466880 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vui Văn Canh.</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 412, tờ BĐ số 134 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất SON do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Vui Văn Canh đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Vui Văn Sầu khai hoang trước năm 1993 đến năm 1997 cho con trai là ông Vui Văn Canh (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do sai số giữa các lần đo và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>Mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng lúa, đất bằng trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc:</b> Toàn bộ tài sản do ông Vui Văn Canh tạo lập năm 2012. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.					<b>35.415.493</b>
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Bóc tách từ cầu				-	
	Cột BTCT (0,3*0,3*4)*4 cọc	m <sup>3</sup>	1,4	1.393.700	2.006.928	
	Thép hộp 4*8 dày 1,5 ly (13*3)	m	39,0	57.500	2.242.500	
	Dây cáp	m	40,0	5.000	200.000	
	Kè đá xây (2,5*0,6*2)*2	m <sup>3</sup>	6,0	392.700	2.356.200	



<b>I</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
	Ống thép mạ kẽm Φ 60	m	9,0	114.000	1.026.000	
2	Kè đá xây (10*0,3*0,5) (đập lấy nước)	m <sup>3</sup>	1,5	392.700	589.050	
3	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	5,0	144.100	720.500	
4	Ống thép mạ kẽm Φ 60	m	30,0	114.000	3.420.000	
5	Cầu kiện sắt thép (1,2*2)	m <sup>2</sup>	2,4	825.000	1.980.000	
6	Ao đào không phân biệt cấp đất 1,5*238,7m <sup>2</sup>	m <sup>3</sup>	358,1	58.300	20.874.315	
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				<b>78.855.288</b>	
1	Cây chuối cao trên 1,2 m	Cây	12,0	24.000	288.000	
2	Cây lấy gỗ D=10-25 cm	Cây	10,0	42.000	420.000	
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	Cây	22,0	132.000	2.904.000	
4	Cây lấy gỗ D30; H 6 m: 4 cây xoan	Cây	1,7	480.000	813.888	
5	Cây lấy gỗ D=5-10 cm	Cây	10,0	30.000	300.000	
6	Cây chuối cao dưới 1,2m	Cây	13,0	18.000	234.000	
7	Cây tre d=5-10cm	Cây	47,0	30.000	1.410.000	
8	Cây tre >10 cm	Cây	35,0	48.000	1.680.000	
9	Hàng rào cọc tre	m	7,0	6.000	42.000	
10	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 375,6m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	Kg	71,6	60.000	4.296.600	
11	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 2.509,8m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	Kg	752,9	60.000	45.176.400	
	<b>Phần gia đình tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất, chuyển đổi không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 5 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</b>					
12	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 136,9m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	Kg	41,1	30.000	1.232.100	
13	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 2.228,7m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	Kg	668,6	30.000	20.058.300	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>83.727.400</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần nuôi trồng thủy sản theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	238,7	111.000	26.495.700	





<b>I T</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	136,9	148.000	20.261.200	
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	352,1	105.000	36.970.500	



